

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 298 /BC-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO**Tình hình thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về hoạt động chất vấn của Quốc hội trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 5 ...
	Ngày: ... 24/7/2018 ...

Kính gửi:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội.

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội từ đầu kỳ họp đến hết kỳ họp thứ 4 khóa XIV về hoạt động chất vấn, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội Báo cáo cập nhật tình hình thực hiện các Nghị quyết số 44/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại kỳ họp thứ 3 và Nghị quyết số 55/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại kỳ họp thứ 4 trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư như sau:

I. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 44/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI VỀ CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN

1. Về rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật theo hướng bảo đảm đơn giản hóa các thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư công, tránh chồng chéo, mâu thuẫn

Trên tinh thần quán triệt và thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về tái cơ cấu đầu tư công, Luật Đầu tư công được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIII (tháng 6/2014) và áp dụng lần đầu tiên là một bước đột phá quan trọng; tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch; nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động đầu tư và sử dụng vốn đầu tư công; góp phần khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, kiểm soát được nợ đọng xây dựng cơ bản, chống thất thoát, lãng phí, phòng chống tham nhũng trong đầu tư công... Việc thông qua và áp dụng Luật Đầu tư công đã nhận được sự đồng thuận cao của các cơ quan Quốc hội, của cử tri cả nước và các cấp, các ngành, các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ nước ngoài.

Tuy nhiên, sau 3 năm triển khai thực hiện, nhất là khi áp dụng vào thực tiễn của kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, Luật đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần phải được xem xét sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động quản lý đầu tư công tại các bộ, ngành, địa phương¹.

Mặt khác, yêu cầu về hoàn thiện thể chế quản lý đầu tư công, bảo đảm hiệu quả và phù hợp với thông lệ quốc tế, đổi mới cách thức thẩm định, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư theo mức độ hiệu quả kinh tế dự tính của dự án, công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát đối với đầu tư công, xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với hiệu quả kinh tế của các dự án đầu tư... đã được đề ra tại Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Thực hiện Nghị quyết phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật số 83/NQ-CP ngày 31/8/2017 của Chính phủ và các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng, hoàn thiện và báo cáo Chính phủ thông qua dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công tại kỳ họp thường kỳ tháng 4/2018. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã báo cáo và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án Luật này theo trình tự xem xét, thông qua dự án luật tại hai kỳ họp Quốc hội (Tờ trình số 127/TT-CP ngày 12/4/2018). Tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2018 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018. Trong đó, Quốc hội đã quyết định về việc cho ý kiến về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công tại kỳ họp thứ 6; và dự kiến thông qua vào kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2019).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương về những khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật về

¹ Một là, nhóm các vấn đề liên quan đến các khái niệm, định nghĩa và quy định phân loại dự án (như quy định về dự án có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng; các dự án không phân biệt tổng mức đầu tư thuộc phạm vi quy hoạch của di tích quốc gia đặc biệt là dự án nhóm A...) chưa cụ thể, rõ ràng, dẫn đến việc triển khai lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án và bố trí kế hoạch vốn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Hai là, nhóm các vấn đề về trình tự, thủ tục thực hiện chương trình, dự án trong một số trường hợp chưa được xác định cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ hoặc còn chồng chéo, mâu thuẫn. Ba là, nhóm các vấn đề phát sinh giữa Luật Đầu tư công với Luật Xây dựng và Luật Bảo vệ môi trường liên quan đến công tác đánh giá tác động môi trường và cơ quan chủ trì tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án

đầu tư công và nội dung tiếp thu trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công (Báo cáo số 4209/BKHĐT-TH ngày 20/6/2018). Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang khẩn trương hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi một số điều của Luật Đầu tư công, trình Chính phủ cho ý kiến, trình các Ủy ban của Quốc hội thẩm tra và trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6.

Về việc sửa đổi các văn bản hướng dẫn Luật đầu tư công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tổng hợp và trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP về kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (Tờ trình số 10579/TTr-BKHĐT ngày 28/12/2017 và Tờ trình số 423/TTr-BKHĐT ngày 23/1/2018). Trên cơ sở ý kiến các Thành viên Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có giải trình, tiếp thu và trình Chính phủ ban hành Nghị định này (công văn số 1374/BKHĐT-TH ngày 9/3/2018). Hiện tại, Chính phủ đang xem xét, cho ý kiến về Dự thảo Nghị định này để sớm ban hành, giải quyết các vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ.

2. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong kế hoạch đầu tư công năm 2018

a) Tình hình giao và thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội², Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 2131/QĐ-TTg giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018. Tổng số vốn đầu tư nguồn NSNN được giao tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là 384.135,856 tỷ đồng. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2018 lần 1 tại Quyết định số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2017 với số vốn là 368.572,144 tỷ đồng, đạt 96% tổng số vốn đầu tư được Thủ tướng Chính phủ giao. Kế hoạch đầu tư công năm 2018 phần còn lại đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục giao lần 2 tại Quyết định số 794/QĐ-TTg ngày 28/6/2018. Số vốn đầu tư còn lại chưa đủ điều kiện giao cho các bộ, ngành và địa phương là 11.168,729 tỷ đồng, chiếm gần 3% tổng số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

² Nghị quyết số 49/2017/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2017 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Nghị quyết số 50/2017/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2017 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2018, Quốc hội đã thông qua tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018 là 399.700 tỷ đồng, trong đó: vốn trong nước: 339.700 tỷ đồng (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ là 50.000 tỷ đồng), vốn nước ngoài: 60.000 tỷ đồng.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương rà soát và điều chỉnh phương án phân bổ số kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2018 chưa đúng quy định còn lại nêu trên.

b) Đánh giá chung về tình hình thực hiện và giao kế hoạch đầu tư năm 2018

- Các kết quả đạt được:

+ Việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018 được thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Quốc hội. Các bộ, ngành và địa phương đã thực hiện phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ theo các Nghị quyết của Quốc hội, quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Trong phương án phân bổ của các bộ, ngành, địa phương bảo đảm bố trí vốn để thanh toán tối thiểu 20% tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSTW giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa thanh toán và thu hồi tối thiểu 20% số vốn ứng trước nguồn NSTW dự kiến thu trong giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa thu hồi. Các bộ, ngành, địa phương cơ bản phân bổ theo đúng thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật.

+ Đổi mới phương thức lập, giao và theo dõi kế hoạch theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống thông tin về đầu tư công giúp việc giao kế hoạch được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, bảo đảm tiến độ thời gian đồng thời tạo sự công khai, minh bạch của hoạt động đầu tư công, làm cơ sở theo dõi, đánh giá và rà soát công tác thực hiện chương trình dự án đầu tư công, điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công.

- Các tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh các kết quả nêu trên, phương án phân bổ và thực hiện kế hoạch năm 2018 cũng còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

+ Về phương án phân bổ kế hoạch năm 2018: vốn cân đối ngân sách địa phương tăng 19,8%, trong khi vốn ngân sách trung ương tăng không đáng kể so với kế hoạch năm 2017; tình trạng mất cân đối giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương ngày càng tăng, không đảm bảo mục tiêu ngân sách trung ương đóng vai trò chủ đạo theo quy định của Luật NSNN năm 2015. Ngân sách trung ương không có nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, các dự án quan trọng khác. Với mức vốn ngân sách trung ương năm 2018 là 187 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) đạt khoảng 22% kế hoạch vốn trung hạn (vốn trong nước) giai đoạn 2018-2020 còn lại. Như vậy, để đảm bảo kế hoạch trung hạn Quốc hội đã thông qua tại Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11

năm 2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, áp lực bố trí vốn ngân sách năm 2019 và năm 2020 là rất lớn, trung bình mỗi năm vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí tăng 1,5 lần so với kế hoạch năm 2018.

+ Một số bộ, ngành, địa phương do lần đầu tiên thực hiện chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống thông tin về đầu tư công nên trong quá trình triển khai đã phát sinh một số vướng mắc, chưa thực sự hiểu cách làm trên hệ thống nên công tác cập nhật, báo cáo trực tuyến chưa đạt yêu cầu về tiến độ theo quy định.

+ Việc giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 của các bộ, ngành và địa phương trong 6 tháng đầu năm đã có chuyển biến tích cực so với cùng kỳ năm 2017 nhưng vẫn chậm so với kế hoạch đầu tư công đã được giao.

c) Các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018

- Tiếp tục triển khai đồng bộ chủ trương, định hướng cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại đầu tư công đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 8 tháng 11 năm 2016 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020.

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về quản lý đầu tư, tháo gỡ kịp thời các rào cản khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công³.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công đã được quy định tại Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, trong đó tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Trong đó, hoàn thiện các chính sách thu ngân sách đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương.

- Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức hợp tác công tư (PPP). Hoàn thiện thể chế và tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức này nhằm huy động bổ sung thêm nguồn vốn NSNN thực hiện đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công,

³ Trong đó, sớm ban hành Nghị định sửa đổi một số điều của Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các CTMTQG; trình Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đầu tư công.

bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định.

- Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ hoặc đột xuất theo chế độ báo cáo quy định; trong đó, phải đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

3. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, triển khai mở rộng các hình thức đầu tư để huy động từ khu vực tư nhân

a) Một số chính sách, giải pháp đã ban hành nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhiều bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ⁴.

Chính phủ và các bộ ngành liên quan tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm triển khai có hiệu quả: Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng 2020 (cải cách về các thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh, cải thiện về quản lý chuyên ngành); Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 05/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày

⁴ Bộ Tư pháp (số 02-Ctr/BCS, ngày 07/11/2017), Bộ Y tế (số 606/QĐ-BYT, ngày 25/01/2018), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (số 209/QĐ-BKHĐT, ngày 26/2/2018); Sóc Trăng (số 20-CTr/TU, ngày 31/7/2017), Tuyên Quang (số 16-CTr/TU, ngày 31/7/2017), Hà Nội (số 18-CTr/TU ngày 01/9/2017), Bắc Ninh (số 315/KH-UBND, ngày 10/10/2017), Lào Cai (số 164-CTr/TU, ngày 16/10/2017), Bình Dương (số 57-CTr/TU, ngày 17/10/2017); Cục Hàng không Việt Nam (số 259-Ctr/ĐUHK ngày 28/8/2018), Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (số 24-CTr/ĐU, ngày 18/8/2017);...

06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp trong năm 2018.

Ngoài ra, nhằm thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chính phủ đã ban hành các Nghị định hướng dẫn gồm:

- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 5/6/2018 về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật hỗ trợ DNNVV.

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì xây dựng Đề án Mô hình Kinh tế chia sẻ ở Việt Nam, trình Chính phủ vào tháng 6/2018; xây dựng Đề án chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện (Nghị quyết 01/NQ-CP), dự kiến trình vào cuối năm 2018.

b) Một số định hướng giải pháp tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và các khu kinh tế để thu hút tư nhân đầu tư, hoạt động; ban hành cơ chế hợp tác để thu hút tư nhân đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư- kinh doanh để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong đó đặc biệt lưu ý đến tạo dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng cho khu vực kinh tế tư nhân trong nước; ban hành và thực hiện Nghị quyết 19 hàng năm về cải thiện môi trường kinh doanh; tiếp tục tháo gỡ, xóa bỏ các điều kiện kinh doanh bất hợp lý. Đổi mới phương thức quản lý của nhà nước theo hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Ban hành, thực thi các giải pháp cắt giảm chi phí sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, trước mắt tập trung vào việc cắt giảm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí sản xuất và chi phí logistics.

- Khuyến khích hình thành các chuỗi giá trị sản xuất; ban hành chính sách ưu đãi thu hút đầu tư nước ngoài theo hướng thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp nước ngoài với doanh nghiệp trong nước.

- Tập trung xây dựng chính sách phát triển ngành, xác định mục tiêu rõ ràng về tăng năng suất, trước mắt tập trung một số ngành như du lịch, công nghiệp chế biến thực phẩm và nông nghiệp công nghệ cao với các mục

tiêu và lộ trình định hướng cụ thể về gia tăng năng suất và định vị trong chuỗi giá trị toàn cầu. Sắp xếp, tổ chức và điều phối lại hàng loạt các chính sách hỗ trợ phân tán và thiếu hiệu quả đối với phát triển ngành hiện nay, tổ chức giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện.

- Rà soát, hoàn thiện luật pháp liên quan về đất đai để khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp; phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất, bao gồm cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp. Đổi mới và thực hiện chế độ quản lý mục đích sử dụng đất nông nghiệp một cách linh hoạt hơn; bãi bỏ các giới hạn, khống chế về đối tượng được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp; nâng đến mức đáng kể hoặc xóa bỏ hạn điền sử dụng, tăng thời hạn giao đất, cho thuê đất nông nghiệp.

c) Hoàn thiện thể chế hình thức đầu tư hợp tác công - tư

- Về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 15/2015/NĐ-CP về PPP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP thay thế Nghị định 15/2015/NĐ-CP. Nhiều điểm mới tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP được kỳ vọng sẽ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện dự án PPP thời gian qua, mở ra nhiều khả năng hiện thực hóa và thúc đẩy mạnh mẽ hình thức đầu tư này trong thời gian tới.

- Về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 30/2015/NĐ-CP về lựa chọn nhà đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 30/2015/NĐ-CP tại Tờ trình số 52/TTr-BKHĐT ngày 03/01/2018. Dự thảo Nghị định đã được lấy ý kiến Thành viên Chính phủ, tiếp tục hoàn thiện để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

- Về xây dựng Luật PPP: Tại Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2018, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ, ý kiến thẩm tra của Văn phòng Chính phủ, hoàn thiện Đề nghị xây dựng dự án Luật này; phối hợp với Bộ Tư pháp để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, bổ sung dự án Luật này vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019. Xây dựng, hoàn thiện dự án Luật, trình Quốc hội khóa XIV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 và xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8. Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội sớm bổ sung Dự án Luật vào chương trình xây dựng Luật, pháp luật của Quốc hội.

d) Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn ODA

Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của

các nhà tài trợ nước ngoài để phù hợp với quy định của Luật quản lý nợ công năm 2017 và quy định pháp luật khác có liên quan. Dự thảo Nghị định trên đã được trình Chính phủ xem xét, quyết định vào đầu tháng 7/2018 vừa qua.

Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng Báo cáo cập nhật định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn 2021-2025; đã có Tờ trình số 1999/BKHĐT-TTr ngày 30/3/2018 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

4. Về đẩy mạnh đầu tư cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng chịu nhiều thiệt hại do biến đổi khí hậu, ưu tiên nguồn vốn để hỗ trợ cho người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội

a) Về chính sách đẩy mạnh đầu tư cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo

Các Bộ, ngành đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định: số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 (291 xã thuộc 23 tỉnh); Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 (2.139 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu của 46 tỉnh); Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 7/3/2018 phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020 (85 huyện được hưởng chính sách hỗ trợ giai đoạn 2018-2020) và ủy quyền cho Chủ nhiệm, Bộ trưởng Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 (danh sách 3.973 thôn đặc biệt khó khăn của 48 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Đây chính là cơ sở quan trọng để các Bộ, ngành phân khai nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho các địa bàn khó khăn, vùng dân tộc và miền núi. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Ủy ban Dân tộc tiến hành rà soát, phân bổ nguồn vốn kế hoạch 2017, 2018 và kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa phân bổ cho các đối tượng chính sách này.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội

vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 về phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản tham mưu Chính phủ về cân đối nguồn lực thực hiện. Tại Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 6/2018 số 90/NQ-CP ngày 10/7/2018, Chính phủ đã thống nhất: Bộ Tài chính rà soát kỹ phương án, để cân đối, bổ sung một phần kinh phí chi thường xuyên cho các địa phương thực hiện các Quyết định số 2085/QĐ-TTg và Quyết định số 2086/QĐ-TTg, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 7 năm 2018 trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định. Giao ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các địa phương rà soát, xác định nhu cầu vốn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc đề xuất mức hỗ trợ cụ thể và tổng hợp vào phương án sử dụng dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định, cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động khác.

b) Đầu tư theo các Chương trình mục tiêu quốc gia

Theo báo cáo của các Bộ, chủ Chương trình MTQG và các địa phương: trong năm 2017 cả nước đã bố trí: 15.231 tỷ đồng ngân sách Trung ương, 36.544 tỷ đồng ngân sách địa phương và huy động được 55.114 tỷ đồng từ nguồn vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội cho đầu tư, huy động được hơn 64.233 tỷ đồng từ các tổ chức, doanh nghiệp cùng với ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Bên cạnh đó, thông qua các hệ thống tín dụng đã ghi nhận dư nợ tín dụng tăng thêm năm 2017 của các tổ chức tín dụng trên địa bàn các xã đạt 145.309 tỷ đồng. Phần tăng thêm này được bổ sung cho vay đầu tư thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Kế hoạch 2018, nguồn kinh phí từ Ngân sách trung ương bố trí thực hiện 02 Chương trình MTQG là 15.613 tỷ đồng (cao hơn so với năm 2015), trong đó: vốn đầu tư phát triển là 11.035 tỷ đồng, chiếm 71% kinh phí của các Chương trình.

c) Về chính sách đầu tư hỗ trợ cho người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội

Trong năm 2017, 2018 ngân sách Trung ương đã bố trí toàn bộ kinh phí thực hiện các đối tượng được thụ hưởng chính sách trong giai đoạn 2016-2020 là: 8.228 tỷ đồng thực hiện Quyết định số 22/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Như vậy, trong năm 2018 có thể kết thúc nhiệm vụ này theo

đúng Nghị quyết của Chính phủ.

d) Về chính sách đầu tư cho vùng chịu nhiều thiệt hại do biến đổi khí hậu

Trong năm 2017, 2018 ngân sách Trung ương đã bố trí từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương bị ảnh hưởng về thiên tai, hạn hán, đặc biệt là cơn bão 12 ở miền Trung, hỗ trợ gạo cho các hộ thiếu đói giáp hạt và ăn Tết, đồng thời hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã làm việc với các đối tác nước ngoài để thu hút thêm nguồn lực đầu tư cho vùng miền núi, dân tộc bị ảnh hưởng của thiên tai: ngoài những dự án đang thực hiện có những dự án mới sau: Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn của Chính phủ Ireland hỗ trợ không hoàn lại (12 triệu USD); Dự án sử dụng vốn vay ODA của WB: Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu long (385 triệu USD); Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng vốn vay ADB với tổng mức đầu tư (200 triệu USD),...

5. Đánh giá toàn diện về thu hút đầu tư nước ngoài

Sau gần 30 năm thực hiện chính sách mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài (ĐTNN), đến nay khu vực có vốn ĐTNN đã trở thành một khu vực phát triển năng động nhất và ngày càng có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, có thể khái quát một số đóng góp chính như sau:

a) Mặt được

- Đầu tư nước ngoài đã tạo ra một phương thức thu hút đầu tư mới, tác động lan tỏa góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, “khơi dậy” và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nước. FDI đã đóng vai trò quan trọng trong việc bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển, chiếm 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Tỷ trọng đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài trong GDP chiếm khoảng 20%.

- Góp phần quan trọng vào xuất khẩu: xuất khẩu của khu vực FDI chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, đạt 72,6% trong năm 2017. Bên cạnh đó, đầu tư nước ngoài còn làm thay đổi cơ cấu mặt hàng xuất khẩu theo hướng giảm tỷ trọng sản phẩm là nguyên liệu thô, sơ chế tăng dần tỷ trọng hàng chế tạo có giá trị gia tăng cao.

- Đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách với giá trị nộp ngân sách tăng từ 1,8 tỷ USD (giai đoạn 1994 - 2000) lên 14,2 tỷ USD (giai đoạn 2001 - 2010). Giai đoạn 2011 - 2015, thu ngân sách từ khu vực ĐTNN đạt 23,7 tỷ USD, chiếm gần 14% tổng thu ngân sách; năm 2017, khu vực ĐTNN đã đóng góp vào thu ngân sách gần 8 tỷ USD, chiếm 14,46% tổng thu ngân sách

nhà nước.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hiện nay, 58,2% vốn ĐTNN tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo, tạo ra trên 50% giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông, dầu khí, điện tử, công nghệ thông tin, thép, xi măng,... Đầu tư nước ngoài cũng góp phần nhất định vào việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị hàng hóa nông sản xuất khẩu và tiếp thu một số công nghệ tiên tiến, giống cây, con có năng suất chất lượng cao.

- Tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thay đổi cơ cấu lao động. Tính đến nay, khu vực ĐTNN tạo ra trên 3,5 triệu lao động trực tiếp và khoảng 4 - 5 triệu lao động gián tiếp. Doanh nghiệp ĐTNN được xem là tiên phong trong việc đào tạo tại chỗ và đào tạo bên ngoài, nâng cao trình độ của công nhân, kỹ thuật viên, cán bộ quản lý. Một bộ phận trong đó đã có năng lực quản lý, trình độ khoa học, công nghệ đủ sức thay thế chuyên gia nước ngoài.

- Nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế, đặc biệt là trong một số ngành như dầu khí, điện tử, viễn thông, tin học, cơ khí chế tạo ô tô, xe máy và dệt may, giày dép. Trong đó, viễn thông, dầu khí được đánh giá có hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, ĐTNN có tác động lan tỏa công nghệ đến các khu vực khác của nền kinh tế (tạo sức ép cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới và chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất).

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nâng cao năng lực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước, đổi mới thủ tục hành chính và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

b) Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ việc làm mới được tạo ra chưa tương xứng, thu nhập bình quân của người lao động khu vực ĐTNN chỉ cao hơn chút ít so với khu vực tư nhân.

- Tuy đã có thu hút được nhiều công nghệ tốt nhưng chưa đạt được mục tiêu thu hút công nghệ (công nghệ cao, công nghệ nguồn) và chuyển giao công nghệ.

- Định hướng thu hút ĐTNN theo ngành, đối tác còn hạn chế, cụ thể là

+ ĐTNN chủ yếu tập trung vào lắp ráp, tỷ lệ nội địa hóa thấp; giá trị xuất khẩu thực hiện theo hình thức gia công, sử dụng nhiều lao động. Giá trị gia tăng tạo ra tại Việt Nam thấp; công nghiệp hỗ trợ chưa đáp ứng yêu cầu. Đầu tư vào bất động sản còn cao trong khi đầu tư trong lĩnh vực nông - lâm -

ngư nghiệp còn thấp (hiện nay chỉ chiếm 1,6% vốn ĐTNN đăng ký), số dự án trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng rất nhỏ.

+ Phần lớn các dự án FDI là dự án quy mô nhỏ, trong tổng số hơn 24.000 dự án: số lượng dự án dưới 5 triệu USD vẫn chiếm tới 75,9% nhưng chỉ chiếm 5,7% tổng vốn đầu tư; dự án dưới 1 triệu USD chiếm 45,1% số dự án và chỉ 1% tổng vốn đầu tư.

+ Hiệu ứng lan tỏa chưa cao, sự kết hợp giữa doanh nghiệp khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước chưa đạt như kỳ vọng.

+ Có hiện tượng doanh nghiệp ĐTNN áp dụng thủ thuật chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại. Một số doanh nghiệp ĐTNN vi phạm quy định về môi trường.

c) Một số giải pháp cần tập trung để tăng cường thu hút và phát huy hiệu quả của ĐTNN trong thời gian tới

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến đầu tư theo hướng nhất quán, công khai, minh bạch, có tính dự báo, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư và có tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực.

- Làm tốt công tác quy hoạch bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch sản phẩm,... để làm căn cứ thu hút được dự án ĐTNN có chất lượng, theo đúng trọng tâm, trọng điểm và định hướng.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải thiện cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, là những điều kiện tiên đề rất quan trọng cho việc thu hút cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án ĐTNN trong thời gian tới: cần huy động mọi nguồn lực để thực hiện “Chương trình kết cấu hạ tầng đồng bộ đến 2020”, hướng các dự án này đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT và PPP; đồng thời khẩn trương triển khai các chương trình hành động để phát triển nguồn nhân lực; triển khai việc đào tạo lao động theo nhu cầu doanh nghiệp.

- Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh: Tiếp tục triển khai đối thoại chính sách với các nhà đầu tư, doanh nghiệp thông qua Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam; triển khai tốt Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản và các mô hình hỗ trợ nhà đầu tư như đối thoại chính sách Keidanren, Japan Desk, Korea Desk, Ichi Desk,...

- Cải thiện khâu thực thi pháp luật: tăng cường năng lực bộ máy thực thi của các địa phương; cải cách thủ tục và bộ máy hành chính theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan với việc thực thi không đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động ĐTNN: Các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương thực hiện đầy đủ chức năng hậu kiểm theo chức năng, nhiệm vụ của mình, đặc biệt lưu ý đến những vấn đề bức xúc hiện nay (đầu tư chui, việc thực thi quy định luật mới,...).

- Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư, cần gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; tăng cường xúc tiến đầu tư đối với các tập đoàn lớn, đa quốc gia; đồng thời, chú trọng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

6. Về tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư công

a) Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư công

Trong các năm vừa qua, công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đều bám sát nhiệm vụ công tác trọng tâm của Bộ, định hướng công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ và thực hiện đúng tinh thần các nghị quyết của Chính phủ⁵.

Nội dung thanh tra, kiểm tra chủ yếu tập trung vào công tác quản lý nhà nước về đầu tư phát triển sử dụng nguồn vốn Nhà nước (đầu tư công) và chấp hành pháp luật về đầu tư công tại một số địa phương, theo đúng tinh thần Nghị quyết số 44/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội Khóa XIV về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 3 giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện: *“Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư công; làm rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm minh đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật, gây lãng phí, thất thoát trong đầu tư công”*.

- Năm 2017, Thanh tra Bộ đã tiến hành 12 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo Kế hoạch đã được phê duyệt, trong đó: 10 cuộc thanh tra việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và điều chỉnh tổng mức đầu tư; quá trình thực hiện dự án; việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản giai đoạn 2014-2015 tại các tỉnh Thái Nguyên, Ninh Bình, Sơn La, Quảng Nam, Bắc Ninh, Khánh Hòa, Đắk Nông, Quảng Ngãi, Sóc Trăng và Cà Mau; 02 cuộc thanh tra công tác quản lý và thực hiện dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ trong lĩnh vực giao thông.

Qua thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, trong năm 2017, Thanh tra

⁵ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017, Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017, Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017, Nghị quyết số 44/2017/QH14 ngày 21/6/2017, Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017.

Bộ đã yêu cầu đối tượng thanh tra xuất toán; thu hồi, giảm trừ khi thanh, quyết toán và xử lý về mặt kinh tế với tổng số tiền là: 270.311.678.619 đồng⁶.

- Những tháng đầu năm 2018: đã yêu cầu đối tượng thanh tra xuất toán, thu hồi và giảm trừ khi thanh, quyết toán với tổng số tiền là: 21.031.462.357 đồng⁷. Tính đến ngày 20/4/2018, đã tiến hành đôn đốc, thu hồi về Ngân sách nhà nước tổng số tiền là 4.231.168.100 đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 44/2017/QH14, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ triển khai 09 cuộc thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công giai đoạn 2015 - 2017 tại 09 địa phương. Hiện nay, Thanh tra Bộ đang tiến hành hành thanh tra tại 04 tỉnh: Lai Châu, Đồng Tháp, Bến Tre và Bình Thuận; tổ chức 02 cuộc kiểm tra tổng thể đầu tư tại các tỉnh Phú Thọ và Hà Nam.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp tập trung triển khai thực hiện trong thời gian tới

- Tiếp tục triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2018 đã được phê duyệt. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Rà soát điều chỉnh Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2018 theo yêu cầu các nhiệm vụ công tác của Bộ được Chính phủ giao trong công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế-xã hội năm 2018.

- Thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư công, kiên quyết đấu tranh phòng, chống lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí.

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt công tác theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau thanh tra.

- Kiểm tra, hướng dẫn Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nội dung thanh tra chuyên ngành năm 2018, trong đó chú trọng thanh tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư công và xử lý nghiêm theo thẩm quyền các hành vi vi phạm.

7. Về hoàn thiện hồ sơ các dự án quan trọng quốc gia trình Quốc hội

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước 02 dự án quan trọng quốc gia, bao gồm:

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Metro số 5 giai đoạn 1 (ngã tư Bảy Hiền - cầu Sài Gòn):

⁶ Trong đó: thu về ngân sách Trung ương là: 16.151.402.981 đồng, thu về ngân sách địa phương là: 3.754.596.330 đồng, giảm trừ khi quyết toán là: 100.362.604.148 đồng, xử lý khác về mặt kinh tế: 150.043.075.160 đồng.

⁷ Trong đó: thu về ngân sách Trung ương qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra Bộ là: 4.550.029.000 đồng, giảm trừ khi quyết toán là: 10.157.022.850 đồng, xử lý khác về mặt kinh tế: 6.324.410.507 đồng.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức nghiên cứu triển khai các nội dung dự thảo báo cáo thẩm định dự án. Tuy nhiên, đây là dự án có quy mô và tổng mức đầu tư lớn, kỹ thuật phức tạp, tại văn bản số 606/TTg-CN ngày 14/5/2018 Thủ tướng Chính phủ đã “đồng ý chủ trương thuê tư vấn nước ngoài hoặc liên danh tư vấn trong nước và tư vấn nước ngoài để thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án”, đồng thời “giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nhà nước quyết định việc lựa chọn tư vấn thẩm tra theo đúng quy định”.

Tháng 5/2018, Hội đồng thẩm định quốc gia đã có báo cáo thẩm định sơ bộ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án gửi Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tp. Hồ Chí Minh chuẩn bị lại Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án gửi lại Hội đồng thẩm định trước ngày 15/6/2018.

b) Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 2469/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 17/4/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Theo đó, hồ sơ Dự án chưa đầy đủ, Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án còn một số tồn tại, chưa đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định đầu tư Dự án, Hội đồng thẩm định nhà nước thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ chưa Báo cáo Thủ tướng Chính phủ Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai khẩn trương bổ sung đầy đủ Hồ sơ và tiếp thu các ý kiến của Hội đồng thẩm định nhà nước vào Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án để đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định đầu tư Dự án.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 55/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI VỀ CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN KỲ HỌP THỨ 4 ĐỐI VỚI LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

Tại Nghị quyết số 55/2017/QH14, đối với lĩnh vực Quốc hội thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân, trong đó đã giao: “Chính phủ bố trí nguồn lực tài chính từ dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 để đầu tư cho việc xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan thi hành án cấp huyện trong hai năm 2018 - 2019 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định”

1. Tình hình thực hiện đầu tư phát triển các cơ quan tòa án

Căn cứ Nghị quyết 111/2015/QH13 của Quốc hội, nhằm thực hiện tốt mục tiêu Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị “*về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020*”, Chính phủ đã rất quan tâm, ưu tiên bố trí mức vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW, năm sau cao hơn năm trước và cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Chính phủ đã bố trí đủ vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án xây dựng trụ sở của các cơ quan tư pháp cấp huyện chưa có trụ sở (tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017; và số 1291/QĐ-TTg ngày 21/8/2017); trong đó, có 35 Tòa án nhân dân cấp huyện (14/35 dự án đã thực hiện khởi công mới trong năm 2016; 14/35 dự án đã thực hiện khởi công mới năm 2016, các trụ sở còn thiếu dự kiến khởi công mới hết trong năm 2018).

2. Chỉ đạo của Chính phủ về sử dụng nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020

a) Tại Thông báo số 206/TB-VPCP ngày 05 tháng 6 năm 2018 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp đánh giá việc thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Chính phủ với Tòa án nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ đã kết luận:

Về bố trí vốn để sớm hoàn thiện việc đầu tư xây dựng các trụ sở Tòa án nhân dân cấp huyện chưa có trụ sở đang phải đi thuê nơi làm việc:

- Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao tập trung thực hiện và giải ngân số vốn đã được giao kế hoạch hàng năm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020, đảm bảo hiệu quả đầu tư;

- Đồng ý chủ trương sử dụng nguồn dự phòng (10%) kế hoạch kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 của Tòa án nhân dân tối cao để đầu tư hoàn thành dứt điểm trước năm 2020 trụ sở các Tòa án nhân dân cấp huyện hiện đang phải đi thuê, mượn nơi làm việc. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Tòa án nhân dân tối cao thực hiện bổ sung vốn cho các dự án theo đúng quy định; đề xuất nguồn bổ sung vốn nếu còn thiếu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

b) Hiện nay, Chính phủ đã có Tờ trình số 173/TTr-CP ngày 11/5/2018 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định Phương án phân bổ số vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước còn lại chưa giao kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020. Trong đó, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn tại bộ, ngành và địa phương.

Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, giao Thủ tướng Chính phủ quyết định thời điểm và mức vốn sử dụng đối với dự phòng thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời điểm và mức vốn sử dụng đối với dự phòng thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương; Người đứng đầu các bộ, ngành trung ương quyết định thời điểm và mức vốn sử dụng đối với dự phòng thuộc nguồn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành.

Ngoài ra, để việc điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 hiệu quả, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép Chính phủ điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nội bộ các bộ, ngành và địa phương trong tổng mức kế hoạch trung hạn đã được giao (bao gồm bổ sung danh mục các dự án mới chưa được giao kế hoạch).

III. ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM TRẢ LỜI CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Những nội dung chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri cung cấp nhiều thông tin hữu ích, giúp Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tham mưu Quốc hội, Chính phủ hoàn thiện các cơ chế chính sách, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ tham mưu tổng hợp về phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước về kế hoạch, đầu tư và thống kê.

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tích cực triển khai thực hiện và giải quyết những nội dung đã ghi nhận xử lý, như: hoàn thiện đề án tái cơ cấu nền kinh tế; rà soát và kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong lập và xây dựng kế hoạch đầu tư công; đổi mới cơ chế chính sách quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia; ban hành nhiều cơ chế chính sách đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân; đổi mới công tác quản lý đấu thầu; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài; chấn chỉnh công tác quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của khu kinh tế, khu công nghiệp; tham mưu các giải pháp lớn trong sắp xếp, đổi mới, nâng hiệu quả doanh nghiệp nhà nước...

Bộ Kế hoạch và Đầu tư luôn quán triệt, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bộ, cố gắng đổi mới, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược, các khâu trọng yếu có ý nghĩa đột phá, qua đó đã từng bước giải quyết những khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, khắc phục những hạn chế và đã đạt những kết quả tích cực về tham mưu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tái cơ cấu đầu tư công; kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế; đầu tư trực tiếp nước ngoài; quản lý khu kinh tế; thống kê; nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách quản lý kinh tế.

Trên đây là Báo cáo về tình hình thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn liên quan đến lĩnh vực kế hoạch và đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kính báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ và các PTT ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội: Vụ PVHĐGS
- Ban Dân nguyện;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý của TTg và các Phó TTg, các Cục, Vụ: KSTT, KGVX, TKBT, Công TTĐTCTP;
- Bộ KHĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị theo d/s (12);
- Lưu VT, QHĐP (3b). 5]

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



Nguyễn Chí Dũng